

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 675/UBND-NV

Hướng Hóa, ngày 10 tháng 6 năm 2021

V/v báo cáo nội dung liên quan đến
chỉ số quản trị hành chính công
(PAPI) và chỉ số năng lực cạnh tranh
cấp tỉnh (PCI)

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- Công an huyện;
- UBND xã, thị trấn.

Để phục vụ Đoàn kiểm tra chuyên đề về chỉ số quản trị hành chính công (PAPI) và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI, UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị báo cáo nội dung sau:

1. Đối với UBND các xã, thị trấn.

- Báo cáo mục A.1. Công tác chỉ đạo điều hành
- Báo cáo mục A.2. Kết quả thực hiện các nội dung PAPI
- Báo cáo mục B kiến nghị, đề xuất

2. Văn phòng HĐND-UBND.

- Báo cáo mục A.2.3 Trách nhiệm giải trình với người dân
- Báo cáo mục A.2.5 Thủ tục hành chính công
- Kết quả phát triển Kinh tế - Xã hội (năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021)

3. Thanh tra huyện

- Báo cáo mục A.2.4 kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

4. Phòng Y tế

- Báo cáo mục a. Y tế công lập (trong mục A.2.6 Cung ứng dịch vụ công)

5. Phòng giáo dục và đào tạo

- Báo cáo mục b. Giáo dục tiểu học công lập (trong mục A.2.6 Cung ứng dịch vụ công)

6. Công an huyện

- Báo cáo mục d. An ninh trật tự khu dân cư (trong mục A.2.6 Cung ứng dịch vụ công)

7. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Báo cáo mục A.2.7 Quản trị môi trường

8. Phòng Văn hóa - Thông tin

- Báo cáo mục A.2.8 Quản trị điện tử

9. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn; tổng chi ngân sách địa phương
- Số doanh nghiệp đăng ký và thực hiện đầu tư trên địa bàn, việc chuyển dịch cơ

cấu kinh tế

- Báo cáo mục A.3. Kết quả thực hiện các nội dung PCI
- Kiến nghị Đề xuất về thực hiện các nội dung PCI tại mục B.2

10. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội

- Tỷ lệ giảm hộ nghèo; Công tác bảo trợ chính sách xã hội.

Các cơ quan đơn vị báo cáo các mục trên theo Đề cương kèm theo. Báo cáo gửi về UBND huyện (qua phòng Nội vụ) chậm nhất ngày **11/6/2021**, đồng thời gửi bản mềm về địa chỉ Email: nguyenhuuphuoc1@quangtri.gov.vn

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Đặng Trọng Vân

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động duy trì và củng cố Chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI); Chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

(Ban hành kèm theo Công văn số 675/UBND-NV ngày 10 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện)

A. Kết quả đạt được và chưa đạt được năm 2019, 2020 và 5 tháng đầu năm 2021.

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Các văn bản đã ban hành (Kế hoạch năm 2019, 2020, 2021 và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo)
- Công tác tuyên truyền các nội dung thực hiện chỉ số PAPI, PCI
- Công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát và chỉ đạo thực hiện các nội dung đạt kết quả chưa tốt.
- So sánh kết quả tác động của việc thực hiện các nội dung PAPI, PCI với kết quả phát triển Kinh tế - Xã hội của địa phương (UBND cấp huyện, cấp xã) so với cùng kỳ năm trước (Kết quả, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP); GRDP bình quân đầu người; Tổng thu ngân sách trên địa bàn; Tổng chi ngân sách địa phương; tỷ lệ giảm hộ nghèo; Công tác bảo trợ và chính sách xã hội;...), số doanh nghiệp đăng ký và thực hiện đầu tư trên địa bàn, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế...

2. Kết quả thực hiện các nội dung PAPI

2.1. Tham gia của người dân ở cấp cơ sở

Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung về:

- Công tác tuyên truyền để nâng cao sự hiểu biết của người dân về chính sách hiện hành, về vị trí lãnh đạo (Nội dung và hình thức tuyên truyền); kết quả thực hiện công tác dân chủ cơ sở.
- Tỷ lệ tham gia của người dân vào các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể; các tổ chức xã hội, hội, nhóm, câu lạc bộ tự lập so với năm trước.
- Các giải pháp để nâng cao chất lượng bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố; nâng cao nhận thức của người dân về bầu cử và đảm bảo tính dân chủ trong bầu cử.
- Thực hiện công khai các khoản đóng góp tự nguyện của người dân tại địa phương (cách thực hiện, tỷ lệ % ý kiến đóng góp của người dân đối với các công trình xây mới/tu sửa ở địa phương có sự đóng góp tự nguyện của người dân; số kinh phí người dân đóng góp tự nguyện; vai trò giám sát của Ban Thanh tra nhân dân hoặc Ban giám sát đầu tư cộng đồng đối với các công trình xây mới/tu sửa tại địa phương).

2.2. Công khai, minh bạch

- Thông tin người dân được biết về chính sách, pháp luật từ chính quyền địa phương (Nội dung, hình thức thực hiện).
- Việc thực hiện xét hộ nghèo tại địa phương (Ưu điểm, tồn tại, vướng mắc); Công khai danh sách hộ nghèo đã được xét chọn tại trụ sở UBND cấp xã và tại khu dân

cur. Ý kiến của người dân về danh sách hộ nghèo (đảm bảo không có hộ nghèo thực sự không được xét hộ nghèo và hộ không nghèo thì được xét vào danh sách hộ nghèo)

- Hình thức, thời gian công khai thu, chi ngân sách cấp xã và các khoản thu khác ở khu dân cư; tính chính xác của nội dung công khai.

- Vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã, các đoàn thể quần chúng, cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về bình xét hộ nghèo, tính chính xác của thông tin thu, chi được niêm yết và dấu hiệu tiêu cực phát sinh trong quản lý tài chính, tài sản công (nếu có).

- Công khai về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của địa phương, công khai bảng giá đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Văn bản công khai, hình thức công khai); Số lượng ý kiến đóng góp của người dân đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương, đặc biệt là các ý kiến về ảnh hưởng của kế hoạch/ quy hoạch sử dụng đất đối với hộ gia đình. Công khai kế hoạch đầu tư của các dự án trên địa bàn và kết quả xử lý các vụ việc qua giám sát ở khu dân cư.

- Số lượng đất đã thu hồi của người dân, lý do thu hồi và việc công khai đến người dân mức giá đền bù, số hộ, diện tích đất, loại đất bị thu hồi, tài sản, cây trồng cùng với mức giá đền bù.

2.3. Trách nhiệm giải trình đối với người dân

- Việc giải trình với người dân (Nội dung và hình thức thực hiện về trả lời các khúc mắc của người dân tại UBND và tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã; số lượt tiếp công dân định kỳ và đột xuất; phân công CBCC của HĐND, UBND và các Đoàn thể, công chức chuyên môn cấp xã tiếp công dân định kỳ, đột xuất; vai trò của trưởng thôn/ tổ trưởng tổ dân phố về giải đáp thắc mắc của người dân).

- Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; số đơn khiếu nại, tố cáo đã nhận, số đơn có đủ điều kiện xử lý, số đơn đã xử lý/số đơn có đủ điều kiện xử lý, mức độ hài lòng của người dân đối với các đơn đã được xử lý.

- Hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ tư pháp về sử dụng tòa án địa phương và các biện pháp phi tòa án khi có tranh chấp dân sự.

2.4. Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công

- Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương (Các nội dung đổi mới phương thức làm việc của đơn vị về phòng, chống tham nhũng; không dùng tiền công quỹ vào mục đích riêng,...)

- Kiểm soát việc người dân có chi thêm tiền để thực hiện thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng và một số TTHC khác ở cấp huyện, cấp xã không?

- Công tác tuyên truyền để người dân hiểu, giám sát và phản ánh các biểu hiện tham nhũng.

- Tình hình thực hiện công khai số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận các ý kiến phản ánh của người dân; Công tác thanh tra, kiểm tra việc giải quyết thủ tục hành chính kịp thời để phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công về lĩnh vực Y tế và Giáo dục:

+ Kiểm soát về tinh thần trách nhiệm và ý đức của đội ngũ y, bác sĩ đối với người bệnh trong khám, chữa bệnh; kiểm soát việc người nhà bệnh nhân, bệnh nhân có chi thêm tiền để được quan tâm hơn trong việc khám và điều trị không?

+ Kiểm soát về các khoản đóng góp tại các trường học địa phương; kiểm soát việc phụ huynh học sinh tiểu học có chi thêm tiền để con em được quan tâm hơn không? Ý kiến của người dân về công khai minh bạch trong tuyển sinh, việc dạy thêm, học thêm.

- Công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, điều động, luân chuyển CCVC thuộc thẩm quyền quản lý.

- Số vụ và số CBCCVC vi phạm Luật phòng, chống tham nhũng và các vấn đề liên quan đến tham nhũng trong khu vực công.

- Vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, các hội quần chúng, các cán bộ, đảng viên và nhân dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

- Việc công khai báo cáo kết quả phòng, chống tham nhũng định kỳ 6 tháng và hàng năm của đơn vị trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2.5. Thủ tục hành chính công

- Công tác kiểm soát TTHC (Công bố, công khai TTHC rà soát, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian đối với các TTHC về lĩnh vực đất đai, xây dựng, tư pháp, hộ tịch,... đảm bảo thuận lợi nhất cho người dân; Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các nhân, tổ chức về quy định hành chính,...).

- Hiệu quả và mức độ hài lòng của người dân về việc giải quyết TTHC của Bộ phận một cửa, một cửa liên thông (Kết quả giải quyết TTHC; Tỷ lệ dịch vụ công mức độ 3, 4 và số lượng hồ sơ đã được thực hiện tại địa phương; tinh thần, thái độ của CBCC thực hiện TTHC; việc xin lỗi người dân và giải thích lý do đối với các hồ sơ trễ hẹn).

- Trách nhiệm của người đứng đầu và CBCC trực tiếp giải quyết TTHC về cấp giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng thực, xác nhận... đối với người dân; Người dân có phải đi lại nhiều lần, nhiều nơi để thực hiện TTHC về cấp giấy phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không?

2.6. Cung ứng dịch vụ công

a) Y tế công lập

- Giải pháp để nâng cao chất lượng các bệnh viện công lập, trung tâm y tế tuyến huyện để thực hiện tốt hơn công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho người dân, giảm sức ép cho y tế tuyến trên; đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp một số trang thiết bị hiện đại cho các bệnh viện để phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

- Số bác sĩ bình quân/10.000 dân; số trạm y tế có bác sĩ làm việc thường xuyên.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, quy định về ý đức, tinh thần và thái độ phục vụ người bệnh, quy tắc ứng xử của đội ngũ y, bác sĩ và nhân viên y tế.



- Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thông tin khám chữa bệnh, nhằm giảm thiểu TTHC; việc cải tiến quy trình khám chữa bệnh, giảm thời gian chờ đợi của người bệnh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân.

- Thực hiện về chính sách bảo hiểm y tế; tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế so với năm trước; cải cách TTHC trong lĩnh vực bảo hiểm y tế, từ khâu cấp phát thẻ đến thanh toán chế độ bảo hiểm y tế; Công tác chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi, hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho người nghèo.

- Kết quả về mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế tại địa phương.

b) Giáo dục tiểu học công lập

- Việc đầu tư, bảo quản và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các trường theo tiêu chuẩn Quốc gia, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tỷ lệ số trường đạt chuẩn Quốc gia của các cấp học tại địa phương.

- Việc thực hiện phân bổ hợp lý sĩ số học sinh trên mỗi lớp; cung cấp nhà vệ sinh sạch sẽ, hệ thống nước sạch đảm bảo vệ sinh cho học sinh; Công khai các khoản thu, chi do phụ huynh đóng góp và không đóng góp hoặc mức độ đóng góp có xảy ra không?

- Chất lượng đội ngũ các bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn về chuyên môn, đảm bảo cho việc dạy học theo quy định; Việc quản lý, kiểm soát và chấn chỉnh dạy thêm, học thêm đối với các bậc tiểu học và xử lý các trường hợp vi phạm trong dạy thêm, học thêm và các trường hợp phân biệt đối xử với học sinh không tham gia học thêm.

- Biện pháp về phòng, chống bạo lực học đường trong nhà trường.

- Kết quả về mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục tại địa phương.

c) Cơ sở hạ tầng căn bản

- Giải pháp để nâng cao mạng lưới và chất lượng cấp nước tại các đô thị và chất lượng các công trình cấp nước sạch cho nhân dân.

- Giải pháp để nâng cấp lưới điện nhằm đảm bảo cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và điện phục vụ sinh hoạt của người dân tại địa phương; Thực hiện công tác quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đề án, dự án liên quan đến khu vực nông thôn.

- Hệ thống giao thông ở khu vực dân cư; Dịch vụ thu gom rác thải ở các vùng đô thị và các điểm tập trung dân cư ở vùng nông thôn.

d) An ninh, trật tự khu dân cư.

- Việc thực hiện phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; các chương trình, mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy; các hoạt động theo kiểu xã hội đen và các loại tội phạm mới.

- Công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh; Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; Ý kiến của người dân về mức độ an toàn của người dân tại địa phương.

2.7. Quản trị môi trường

- Việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường. Vai trò của người dân về cung cấp thông tin, bằng chứng gây ảnh hưởng xấu đến môi trường tại địa phương.

- Ý kiến của người dân về ô nhiễm môi trường của khu vực dân cư do các doanh nghiệp gây ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh; Vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân tại địa phương.

- Giải pháp để bảo vệ chất lượng không khí, chất lượng nguồn nước sinh hoạt (nguồn nước uống, giặt giũ, bơi lội) tại địa phương.

- Giải pháp để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, trồng cây, bảo vệ cây xanh, bảo vệ rừng của người dân tại địa phương để bảo vệ môi trường.

2.8. Quản trị điện tử

- Giải pháp để nâng cấp hệ thống cổng thông tin điện tử của chính quyền các cấp; việc tuyên truyền, thông tin cho người dân để lấy các thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu (nếu có) từ cổng thông tin điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai, xây dựng, tư pháp, hộ tịch,...

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân sử dụng công nghệ thông tin điện tử của chính quyền các cấp.

- Giải pháp khuyến khích và tỷ lệ người dân sử dụng internet để tiếp cận thông tin, tin tức tại địa phương.

- Việc thiết lập, lắp đặt hệ thống wifi miễn phí tại các khu công cộng để hỗ trợ người dân truy cập internet; khuyến khích người dân lắp đặt hệ thống internet tại nhà (nếu đủ điều kiện thực hiện) để nâng cao tỷ lệ kết nối internet tại nhà của người dân.

3. Kết quả thực hiện nội dung PCI

3.1. Tính minh bạch:

- Khả năng tiếp cận thông tin của Sở, Ban, ngành và địa phương.

- Cần có mối quan hệ để có thể tiếp cận được tài liệu của Sở, Ban, ngành và địa phương.

- Mức độ đầy đủ, rõ ràng của nội dung thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính hoặc công việc có liên quan đến các đơn vị, địa phương.

- Sự hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng khi thực hiện các thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan đến các Sở, Ban, ngành và địa phương.

- Kịp thời cung cấp thông tin, văn bản khi doanh nghiệp yêu cầu.

- Mức độ doanh nghiệp truy cập Website của các Sở, Ban, ngành và địa phương.

- Tính hữu ích thông tin trên Website của các Sở, Ban, ngành và địa phương đối với doanh nghiệp.

3.2. Tính năng động:

- Lãnh đạo các Sở, Ban, ngành và địa phương linh hoạt, sáng tạo, trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp.

- Tinh thần trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành và địa phương trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh.



3.6 Hỗ trợ doanh nghiệp:

- Cung cấp thông tin về các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp.
- Chất lượng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp.
- Cung cấp thông tin về các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại doanh nghiệp.
- Việc giải quyết vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp trong và sau các buổi đối thoại, gặp gỡ.

3.7. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

- Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định; có cán bộ tư vấn, hỗ trợ DN thực hiện đúng các quy định văn bản pháp luật; Có thực hiện các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng doanh nghiệp.

- Mức độ doanh nghiệp thực hiện cơ chế khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền khi Sở, ban, ngành/ Địa phương làm trái với quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC.

- Đánh giá hiệu quả của công tác giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền về mức độ thỏa đáng và cơ chế đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại. Giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của doanh nghiệp thỏa đáng.

- Cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết
- Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi vi phạm.

3.8. Tính năng động của lãnh đạo

- Đánh giá vai trò của người đứng đầu cơ quan trong công tác cải cách hành chính tại cơ quan.

- Dám quyết dám làm và dám chịu trách nhiệm.
- Có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề về doanh nghiệp.
- Lắng nghe và tiếp thu góp ý của doanh nghiệp.
- Giải quyết nhanh chóng và triệt để các vấn đề cụ thể của doanh nghiệp.
- Trong cơ quan không có hiện tượng “Cấp trên bảo cấp dưới không nghe”

3.9. Tiếp cận đất đai

- Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn trong các thủ tục hành chính về đất đai tại địa phương.

- Thời gian thực hiện công tác xác định nguồn gốc đất đai được rút ngắn tại địa phương.

- Tính chính xác trong công tác xác định nguồn gốc đất đai tại địa phương.
- Đánh giá công tác thẩm định phương án bồi thường tại địa phương.

- Tính chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương.

3.10. Đào tạo lao động

- Xây dựng, ban hành chương trình/kế hoạch về giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm trên địa bàn

- Đánh giá việc bố trí/lồng ghép các nguồn từ ngân sách nhà nước, từ các công ty, doanh nghiệp và các cá nhân có điều kiện để cùng phát triển trên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại địa phương đủ điều kiện, năng lực đào tạo nghề nghiệp cho người lao động theo nhu cầu và theo hướng tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn phải đẩy mạnh thực hiện các quyền tự chủ trong công tác tuyển sinh, đào tạo, xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo...gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo.

- Đánh giá công tác giải quyết việc làm tại địa phương hiện nay có tập trung đẩy mạnh liên kết với sàn giao dịch việc làm tỉnh; chủ động mời gọi các doanh nghiệp có uy tín, chất lượng và năng lực hoạt động trong các lĩnh vực để thu thập thông tin, cung cấp các thông tin về thị trường lao động cho người lao động có nhu cầu.

- Tổ chức quản trị, khai thác có hiệu quả cổng thông tin điện tử “Người tìm việc - Việc tìm người” của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh để tạo cầu nối việc làm cho người lao động, doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp một cách bền vững, hiệu quả.

B. Kiến nghị, đề xuất:

1. Về thực hiện các nội dung PAPI
2. Về thực hiện các nội dung PCI



